TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2025/HNGĐ-ST
Ngày 15-12-2025
V/v: Ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – BẮC NINH

-Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Trọng Khôi
Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Vinh
Bà Ngô Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Tĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 15/12/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 277/2025/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2025 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/11/2025. Quyết định hoãn phiên toà số: 62/2025/QĐST-HNGĐ ngày 21/11/2025. Quyết định hoãn phiên toà số: 65/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28/11/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T, sinh ngày 27/02/1988. CCCD số 024188010042, cấp ngày 10/5/2021. Nơi cư trú: Thôn P, xã Tiên Lục, tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

- Bị đơn: Anh Đồng Thanh D, sinh ngày 24/6/1983. CCCD số 024083011625, cấp ngày 16/01/2022. Nơi cư trú: Thôn P, xã Tiên Lục, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày*: Chị đăng ký kết hôn với anh Đồng Thanh D ngày 10/12/2009, trước khi cưới có được tìm hiểu, tự nguyện thỏa thuận đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Nay là xã Tiên Lục, tỉnh Bắc Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, nên trong cuộc sống và trong công việc làm ăn hàng ngày vợ chồng thường bất đồng quan điểm dẫn đến cãi nhau, không hòa thuận được để xây dựng hạnh phúc gia đình. Đầu tháng 10/2025 chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ gần đó ở, vợ chồng sống ly thân cắt đứt mọi quan hệ với nhau từ đó. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị xin được ly hôn anh Đồng Thanh D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung sinh đôi là Đồng Ngọc Thanh T1, sinh ngày 28/7/2014 và Đồng Ngọc Thanh L, sinh ngày 28/7/2014. Hiện các con đang ở cùng bố mẹ, các cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Nay ly hôn chị xin nuôi cả hai con chung; không đề nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị đang tổ phó tổ kho tại Công ty TNHH sản xuất Loha Group, địa chỉ công ty: Số 33, Quang Trung, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh, thu nhập bình quân 15.000.000đ/ tháng.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản gì đáng giá, nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Đồng Thanh D trình bày*: Chị T trình bày về thời gian kết hôn và quá trình mâu thuẫn là đúng. Nay xét thấy vợ chồng mới sảy ra mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng vẫn còn anh không đồng ý ly hôn chị T. Nếu chị T kiên quyết xin ly hôn thì đề nghị Toà án giải quyết theo pháp luật. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như chị T trình bày là đúng. Nay nếu ly hôn anh xin nuôi 1 con, còn để chị T nuôi 1 con. Không đề nghị Toà án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản: Vợ chồng tự thoả thuận, nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay chị T có mặt giữ nguyên yêu cầu trên và trình bày thêm: Hiện cháu T1 và cháu L đang ở cùng chị, hai cháu đang học lới 6A3 Trường THCS Tiên Lục số 6 – Bắc Ninh. Vì gia đình bà nội ở gần trường, nên chị vẫn mua thức ăn cho bà nội nấu cơm, buổi trưa hai cháu đi bộ ra nhà bà nội ăn cơm, buổi chiều chị hoặc người thân (cậu em, ông ngoại) trong gia đình lại đón các cháu về nhà ông bà ngoại ở cùng chị, điều kiện kinh tế gia đình ông bà ngoại khá giả đảm bảo việc ăn ở, học tập, làm việc của ba mẹ con. Anh D vắng mặt, mặc dù đã được Toà án thông báo phiên toà hợp lệ đến lần thứ hai.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, chị T có mặt, anh D vắng mặt, mặc dù đã được Toà án thông báo phiên toà hợp lệ đến lần thứ hai. Do vậy, đề nghị HĐXX tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật; đề nghị Căn cứ các Điều 28, 35, 147, 227, 228, 235, 264, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội. Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 26, 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Đồng Thanh D. Về nuôi con chung: Xử giao chị Bùi Thị T nuôi con chung là Đồng Ngọc Thanh L, sinh ngày 28/7/2014. Giao anh Đồng Thanh D nuôi con chung là Đồng Ngọc Thanh T1, sinh ngày 28/7/2014. Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản: Cả chị T và anh D đều không đề nghị Toà án giải quyết, nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết. Ngoài ra còn đề nghị xử lý án phí, tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu đầy đủ, toàn diện các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm vấn công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, phạm vi khởi kiện, thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Bùi Thị T khởi kiện xin ly hôn anh Đồng Thanh D, nơi cư trú: Thôn P, xã Tiên Lục, tỉnh Bắc Ninh. Nội dung: Chị T xin được ly hôn, đề nghị giải quyết về con chung, không đề nghị giải quyết về cấp dưỡng nuôi con và tài sản. Như vậy đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Bắc Ninh theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội.

[1.2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, chị T có mặt, anh D vắng mặt, mặc dù đã được Toà án thông báo phiên toà hợp lệ đến lần thứ hai, nên HĐXX căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T đăng ký kết hôn với anh Đồng Thanh D ngày 10/12/2009 tại UBND xã A, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Nay là UBND xã Tiên Lục, tỉnh Bắc Ninh. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, nên trong cuộc sống và trong công việc làm ăn hàng ngày vợ chồng thường bất đồng quan điểm dẫn đến cãi nhau, không hòa thuận được để cùng xây dựng hạnh phúc gia đình. Vợ chồng sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ với nhau từ ngày đầu tháng 10/2025. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị T xin được ly hôn, nhưng anh D không đồng ý ly hôn. Quan điểm của anh D, nếu chị T kiên quyết xin ly hôn thì đề nghị Toà án giải quyết theo pháp luật. Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ, lời khai các đương sự, qua xác minh, HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã diễn ra căng thẳng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy cần xử cho chị T được ly hôn anh D để giải phóng cho cả hai bên. Xét là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung:

[3.1] Quá trình chung sống chị T và anh D sinh một lần được 02 con chung sinh đôi là Đồng Ngọc Thanh T1, sinh ngày 28/7/2014 và Đồng Ngọc Thanh L, sinh ngày 28/7/2014. Hiện các con đang ở cùng bố mẹ, các cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Tại đơn yêu cầu giải quyết thuận tình ly hôn ngày 13/10/2025 của anh D, thì anh D đã đồng ý ly hôn và đồng ý để hai con ở với mẹ. Tuy nhiên sau đó anh D không nộp đơn này, nên chị T đã làm đơn khởi kiện xin ly hôn đơn phương. Nay ly hôn chị T xin nuôi cả hai con chung, anh D xin nuôi 1 con chung. Quá trình giải quyết vụ án cháu T1 và cháu L đã tự trình bày nguyện vọng muốn ở với mẹ, cả chị T và anh D đều đã xác nhận điều này. HĐXX xét thấy, việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là trách nhiệm, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con sinh ra. Căn cứ các tài liệu các bên cung cấp, qua xác minh tại địa phương, cũng như diễn biến tại phiên toà hôm nay, xác định được chị T và anh D đều có điều kiện nuôi con như nhau. Các con đều đã trên 7 tuổi và đều có nguyện vọng ở với mẹ. Tuy nhiên để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con trẻ, giúp cho bố mẹ có điều kiện chăm sóc con tốt hơn, tạo điều kiện cho các cháu được chăm sóc, nuôi dưỡng phát triển bình thường như những đứa trẻ khác. Nên cần giao chị T nuôi cháu L, còn anh D nuôi cháu T1, xét là phù hợp.

[3.2] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T, anh D đều không đề nghị Toà án giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này có sảy ra tranh chấp về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hoặc đề nghị góp cấp dưỡng nuôi con, thì Toà án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[3.3] Sau khi ly hôn, anh D, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Xét là phù hợp Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay cả chị T và anh D đều không đề nghị Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này các bên có xảy ra tranh chấp về tài sản, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Xét quan điểm, đường lối của Kiểm sát viên, Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Bắc Ninh đưa ra tại phiên toà hôm nay, là hoàn toàn phù hợp quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 147, 227, 228, 235, 264, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội. Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 26, 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Đồng Thanh D.

2. Về nuôi con chung: Xử giao chị Bùi Thị T nuôi con chung là Đồng Ngọc Thanh L, sinh ngày 28/7/2014. Giao anh Đồng Thanh D nuôi con chung là Đồng Ngọc Thanh T1, sinh ngày 28/7/2014. Không đề nghị Toà án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Anh D, chị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản: Không đề nghị giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002653 ngày 29/10/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Bắc Ninh.

Báo cho đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh.
- VKSND khu vực 4 – Bắc Ninh
- Phòng THADS khu vực 4 – Bắc Ninh
- UBND xã Tiên Lục, Bắc Ninh.
- Các đương sự
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Thân Trọng Khôi